

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CD 2016 - Kế toán (TN211610)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 95****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116100108	Trần Thị Thúy Mơ	CCQ1610B	94	6.37	01	THONG TIN NHOM BBTC	0		0
2	2116100466	Tân Bích	CCQ1610G	92	6.36	225101	Hệ thống thông tin kế toán	3	VT	0

Ghi chú: BBTC = Tổng hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 2 TC (Min) 2

0101 . 222012 Phương pháp luận sáng tạo 2

222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2

226004 Đại cương về WTO và Asean 2

226008 Kinh tế học đại cương 2

226026 Quản trị học 2

226035 Soạn thảo văn bản 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 234003 Bóng chuyền 2 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

Nhóm TC 03 : 2 TC (Min) 2

0301 . 222010 Logic học đại cương 2

222024 Xác suất thống kê 2

226017 Môi trường và con người 2

229001 Access cơ bản 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229030 Tin học văn phòng	2							
		231016 Corel Draw	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2							
		225025 Thanh toán quốc tế	2							
		225034 Kế toán thương mại	2							
		226006 Kinh tế công	3							
		226013 Kinh tế vĩ mô	2							
		226016 Marketing căn bản	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5							
		225045 Thực hành sổ sách kế toán	3							
		225067 Thực hành kế toán thuế	2							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Tin (TN211611)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 105****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116110132	Đoàn Thị Thùy	CCQ1611B	99	6.14	05	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
						229028	Thiết kế web	3	4.9	0

Ghi chú: BBTC = Tổng hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 2 TC (Min) 2

0101 . 222012 Phương pháp luận sáng tạo 2

222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2

222017 Tiếng Việt thực hành B 2

226004 Đại cương về WTO và Asean 2

226008 Kinh tế học đại cương 2

226035 Soạn thảo văn bản 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 234003 Bóng chuyền 2 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

Nhóm TC 03 : 2 TC (Min) 2

0301 . 222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam 2

222025 Kỹ năng mềm 2

226018 Nghệ thuật lãnh đạo 2

226036 Tâm lý học đại cương 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222004	Quy hoạch tuyến tính	2							
	222010	Logic học đại cương	2							
	222024	Xác suất thống kê	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
	229030	Tin học văn phòng	2							
	231016	Corel Draw	2							
Nhóm TC 05 :	3 TC (Min)		3							
0501 .	229036	Lý thuyết đồ thị	3							
	229039	Phần mềm mã nguồn mở	3							
	229069	Hệ điều hành Linux	3							
Nhóm TC 06 :	5 TC (Min)		5							
0601 .	229041	Đồ án tốt nghiệp (Tin)	5							
	229057	Chuyên đề ASP.NET	3							
	229080	Kiểm thử phần mềm	2							
Nhóm TC 07 :	3 TC (Min)		3							
0701 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Quản trị kinh doanh (TN211612)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 95

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116120244	Lê Thị Thu Hằng	CCQ1612D	92	6.02	226039	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3	VT	0
2	2116120298	Hồ Nguyễn Ý	CCQ1612D	87	6.19	224004	Anh văn 2	3		0
						225089	Thống kê doanh nghiệp	2	VT	0
						226039	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226100 Luật lao động	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226005 Địa lý kinh tế	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226019 Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	2							
		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Ô tô (TN211617)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 105****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116170262	Nguyễn Văn Giang	CCQ1617D	103	6.24	233048	Thực tập điện ô tô 2	3		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222012 Phương pháp luận sáng tạo	2
	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
	222025 Kỹ năng mềm	2
	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0401 .	222010	Logic học đại cương	2							
	222024	Xác suất thống kê	2							
	225017	Quy hoạch tuyến tính	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
	227073	Lập trình C++	2							
	229001	Access cơ bản	2							
	229030	Tin học văn phòng	2							
	231016	Corel Draw	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	2							
	233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2							
	233008	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô	2							
	233009	Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất lỏng chuyên dùng	2							
Nhóm TC 06 :	5 TC (Min)		5							
0601 .	233006	Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)	5							
	233045	Chuyên đề điện - điện tử ô tô	2							
	233047	Chuyên đề động cơ	3							
Nhóm TC 07 :	3 TC (Min)		3							
0701 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Thực phẩm (TN211621)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 105

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116210367	Lê Thị Nhật Hào	CCQ1621F	98	6.69	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
						223003	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac Lenin	5		0
						234002	Bóng chuyền 1	2		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226004 Đại cương về WTO và Asean	2
	226008 Kinh tế học đại cương	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	234003 Bóng chuyền 2	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229030 Tin học văn phòng	2							
	Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2							
	0401 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		222025 Kỹ năng mềm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
	Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)	2							
	0501 .	230004 Công nghệ lên men	2							
		230136 Thực phẩm chức năng	2							
		230137 Công nghệ chế biến dầu mỡ	2							
	Nhóm TC 06 :	5 TC (Min)	5							
	0601 .	230139 Đồ án tốt nghiệp (Thực phẩm)	5							
		230140 Chuyên đề 1 (Thực phẩm)	2							
		230141 Chuyên đề 2 (Thực phẩm)	3							
	Nhóm TC 07 :	3 TC (Min)	3							
	0701 .	224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2016 - Tiếng Anh (TN211624)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung** **99****Điểm Trung Bình Tích Lũy** **5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2116240296	Nguyễn Chí Vinh	CCQ1624E	99	6.08	224313	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	3		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 2 TC (Min) 2

0101 . 222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam 2

222030 Dẫn luận ngôn ngữ 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 234003 Bóng chuyền 2 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

Nhóm TC 03 : 2 TC (Min) 2

0301 . 225050 Thị trường chứng khoán 2

226011 Kinh tế quốc tế 2

Nhóm TC 04 : 2 TC (Min) 2

0401 . 224322 Giao tiếp liên văn hóa 2

226014 Kỹ năng giao tiếp và làm việc
đội/nhóm 2

226041 Tâm lý kinh doanh 2

226105 Quan hệ công chúng 2

Nhóm TC 05 : 2 TC (Min) 2

0501 . 225014 Nguyên lý kế toán 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		224320 Tiếng Anh thư tín trong thương mại	2							
		224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng	2							
		224325 Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2							
Nhóm TC 07 :		2 TC (Min)	2							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
		226103 Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu	2							
Nhóm TC 08 :		5 TC (Min)	5							
0801 .		224314 Biên dịch thương mại	3							
		224315 Phiên dịch thương mại	2							
		224324 Khóa luận tốt nghiệp	5							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - CNKT Cơ khí (TN211703)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117030267	Phan Ngọc Hiếu	CCQ1703E	90	6.89	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn không hợp lệ (không đúng mẫu của Bộ Giáo dục). SV xem quy định chuẩn đầu ra trên web trường: hitu.edu.vn0
2	2117030269	Nguyễn Kinh Kha	CCQ1703E	90	6.26	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn giả0
3	2117030275	Phạm Hữu Linh	CCQ1703E	90	6.43	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn giả0
4	2117030278	Tống Văn Long	CCQ1703E	90	6.38	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		0
						R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0105 .	234008	Cầu lông 1	2							
	234013	Cầu lông 2	2							
0106 .	234009	Aerobic 1	2							
	234014	Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)		2							
0201 .	226035	Soạn thảo văn bản	2							
	227073	Lập trình C++	2							
	229030	Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	227138	Solidworks	2							
	227142	Thực tập hàn TIG - MAG	2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	227141	Thực tập CNC 2	2							
	227147	Thực tập phay 3	2							
	227149	Thực tập tiện 3	2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	227069	Công nghệ khí nén - thủy lực nâng cao	2							
	227087	Đồ án tốt nghiệp (Cơ khí)	5							
	227117	Công nghệ sửa chữa nâng cao	3							
Nhóm TC 08 :	3 TC (Min)		3							
0801 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							
0802 .	200003	Tiếng Nhật 3	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 09 :										
0901 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224016	Anh văn 3	3							
	227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2							
0902 .	200001	Tiếng Nhật 1	3							
	200002	Tiếng Nhật 2	3							
	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	200004	Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Kế toán (TN211710)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117100361	Trần Thị Hoa	CCQ1710F	81	6.98	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn hết hạn (3 năm)0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226021 Pháp luật kinh tế	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		229030 Tin học văn phòng	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2								
	225025 Thanh toán quốc tế	2								
	225107 Kế toán ngân hàng	2								
	225110 Kế toán tài chính nâng cao	2								
	225125 Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2								
	226016 Marketing căn bản	2								
Nhóm TC 05 :	5 TC (Min)		5							
0501 .	225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5								
	225045 Thực hành sổ sách kế toán	3								
	225119 Thực hành kế toán trên phần mềm	2								
Nhóm TC 06 :	3 TC (Min)		3							
0601 .	224099 Anh văn đầu vào	4								
	224100 Anh văn tăng cường	4								
	224101 Anh văn cơ bản 1	3								
	224102 Anh văn cơ bản 2	3								
	224103 Anh văn cơ bản	4								

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị kinh doanh (TN211712)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117120059	Hồ Minh Tuấn	CCQ1712A	77	6.01	226163	Quản trị bán hàng	3		0
2	2117120265	Trần Thị Ngọc Trâm	CCQ1712D	80	6.70	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
3	2117120268	Lê Đức Anh Tuấn	CCQ1712D	78	6.03	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 2 TC (Min) 2

0101 . 222017 Tiếng Việt thực hành B 2

222024 Xác suất thống kê 2

226017 Môi trường và con người 2

226036 Tâm lý học đại cương 2

229030 Tin học văn phòng 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 226018 Nghệ thuật lãnh đạo 2

226035 Soạn thảo văn bản 2

226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT) 2

226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ kinh doanh 2

Nhóm TC 03 : 4 TC (Min) 4

0301 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		234009 Aerobic 1	2							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226058 Logistics	2							
		226083 Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226034 Quản trị thương hiệu	2							
		226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)	5							
		226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CD 2017 - Tự động hóa (TN211715)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117150012	Nguyễn Thành Đạt	CCQ1715A	89	6.25	228263	PLC nâng cao	2		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	227073 Lập trình C++	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229030 Tin học văn phòng	2							
	Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2							
	0401 .	222010 Logic học đại cương	2							
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
	Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)	2							
	0501 .	227014 Công nghệ khí nén - thủy lực	2							
		228160 Autocad (Điện)	2							
		228181 Lý thuyết điều khiển nâng cao	2							
	Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)	2							
	0601 .	228060 Thực tập kỹ thuật số	2							
		228074 Trang bị điện 2	2							
		228079 Vi điều khiển 1	2							
	Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)	5							
	0701 .	228023 Hệ thống SCADA	2							
		228103 Đồ án tốt nghiệp (Tự động)	5							
		228206 Chuyên đề thiết kế mạch giao tiếp	3							
	Nhóm TC 08 :	3 TC (Min)	3							
	0801 .	224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Ô tô (TN211717)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung** **90****Điểm Trung Bình Tích Lũy** **5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117170010	Đỗ Khánh Duy	CCQ1717A	85	6.59	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
						233041	Thực tập động cơ xăng 2	3		0
2	2117170232	Ngô Minh Bảo	CCQ1717D	87	6.20	233052	Thực tập ô tô 2	3		0
3	2117170270	Lâm Văn Pháp	CCQ1717D	90	7.07	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)		2							
0201 .	222017 Tiếng Việt thực hành B		2							
	226035 Soạn thảo văn bản		2							
	229030 Tin học văn phòng		2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		2							
	226017 Môi trường và con người		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	233024 Thiết bị xường ô tô		2							
	233027 Thủy lực và máy thủy lực		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	233011 Ô tô sử dụng năng lượng mới		2							
	233012 Ô tô và môi trường		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	233002 Chuyên đề điện - điện tử ô tô		3							
	233003 Chuyên đề động cơ		2							
	233006 Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)		5							
Nhóm TC 08 :	3 TC (Min)		3							
0801 .	224099 Anh văn đầu vào		4							
	224100 Anh văn tăng cường		4							
	224101 Anh văn cơ bản 1		3							
	224102 Anh văn cơ bản 2		3							
	224103 Anh văn cơ bản		4							
0802 .	200003 Tiếng Nhật 3		3							
Nhóm TC 09 :										
0901 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224016 Anh văn 3		3							
	233001 Anh văn chuyên ngành (Ô tô)		2							
0902 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
	200002	Tiếng Nhật 2	3							
	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	200004	Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Tài chính ngân hàng (TN211719)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117190022	Dương Nguyễn Thu Kỳ	CCQ1719A	80	6.17	225105	Chuyên đề "Thực tế ngân hàng thương mại, thị trường chứng khoán"	1		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222004 Quy hoạch tuyến tính	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		225029 Thuế	2							
		225062 Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	2							
		225095 Phân tích báo cáo tài chính	2							
		225116 Thẩm định giá tài sản	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		225012 Kiểm toán	2							
		225103 Bảo hiểm	2							
		225112 Kinh doanh ngoại hối	2							
		225115 Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		225035 Quản trị ngân hàng thương mại	3							
		225038 Khóa luận tốt nghiệp (Tài chính)	5							
		225068 Thực hành lập và thẩm định tín dụng	2							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							
0801 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Điện tử truyền thông (TN211723)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117230027	Nguyễn Minh Thuận	CCQ1723A	87	6.15	228139	Thông tin di động	3	4.3	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 226035 Soạn thảo văn bản 2

227073 Lập trình C++ 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		229030 Tin học văn phòng	2							
	Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2							
	0401 .	228070 Thực tập vi điều khiển	2							
		228160 Autocad (Điện)	2							
		228253 Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android	2							
	Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)	2							
	0501 .	228136 Hệ thống thu phát vô tuyến	2							
		228144 Lý thuyết thông tin và mã hóa	2							
		228193 Xử lý ảnh	2							
	Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)	2							
	0601 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
	Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)	5							
	0701 .	228149 Đồ án tốt nghiệp (Điện tử truyền thông)	5							
		228151 Tổng đài điện tử	2							
		228171 Chuyên đề công nghệ viễn thông	3							
	Nhóm TC 08 :	3 TC (Min)	3							
	0801 .	224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CD 2017 - Tiếng Anh (TN211724)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117240305	Phạm Tuấn Anh	CCQ1724F	88	6.60	229100	Tin học	2		0
						R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổng hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226025 Quản trị hành chính văn phòng	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng	2							
		224325 Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	2							
		224336 Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại	2							
Nhóm TC 06 :		5 TC (Min)	5							
0601 .		224314 Biên dịch thương mại	3							
		224315 Phiên dịch thương mại	2							
		224324 Khóa luận tốt nghiệp	5							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2017 - Quản trị khách sạn (TN211726)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2117260056	Lâm Thị Thảo Quyên	CCQ1726A	81	6.97	226155	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp 2 (QT)	1		0
2	2117260104	Mai Thị Cẩm Đoan	CCQ1726B	80	6.38	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn không hợp lệ (không đúng mẫu của Bộ Giáo dục). SV xem quy định chuẩn đầu ra trên web trường: hitu.edu.vn0
3	2117260148	Hồ Thị Thúy	CCQ1726B	80	6.65	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn không hợp lệ (không đúng mẫu của Bộ Giáo dục). SV xem quy định chuẩn đầu ra trên web trường: hitu.edu.vn0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	229030 Tin học văn phòng	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2
	226161 Quản lý sự đa dạng trong môi trường làm việc (QT)	2
	226178 Xây dựng, phân tích mối quan hệ	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		kinh doanh								
	Nhóm TC 03 :	4 TC (Min)	4							
0301 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234006 Bóng đá 1	2							
		234007 Bóng rổ 1	2							
		234008 Cầu lông 1	2							
		234009 Aerobic 1	2							
0302 .		234002 Bóng chuyền 1	2							
		234003 Bóng chuyền 2	2							
0303 .		234006 Bóng đá 1	2							
		234010 Bóng đá 2	2							
0304 .		234007 Bóng rổ 1	2							
		234011 Bóng rổ 2	2							
0305 .		234008 Cầu lông 1	2							
		234013 Cầu lông 2	2							
0306 .		234009 Aerobic 1	2							
		234014 Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226136 Quản trị kinh doanh khách sạn	2							
		226150 Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
		226169 Quản trị tổ chức sự kiện	3							
Nhóm TC 08 :		3 TC (Min)	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0801 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Chế tạo máy (TN211804)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118040042	Võ Đức Thế	CCQ1804A	92	7.05	R_TH	Tin Học Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Tin học giá0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	226035 Soạn thảo văn bản	2
	229030 Tin học văn phòng	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	227138 Solidworks		2							
0402 .	227155 Thiết kế hệ thống điện - khí nén		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0502 .	227149 Thực tập tiện 3		2							
0503 .	227142 Thực tập hàn TIG - MAG		2							
	227148 Thực tập sửa chữa		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0604 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		2							
	226017 Môi trường và con người		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0705 .	227089 Đồ án tốt nghiệp (Chế tạo máy)		5							
	227153 Thiết kế kỹ thuật cơ khí		2							
	227156 Thiết kế khuôn		3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224016 Anh văn 3		3							
	227067 Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)		2							
0802 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Điện công nghiệp (TN211805)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118050041	Nguyễn Quang	CCQ1805A	92	6.66			0		1500000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2

226035 Soạn thảo văn bản 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	228088 Vật liệu điện		2							
	228229 Kỹ thuật điện lạnh (Chuyên ngành Điện công nghiệp)		2							
	228261 Kỹ thuật số		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	222017 Tiếng Việt thực hành B		2							
	226017 Môi trường và con người		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	227014 Công nghệ khí nén - thủy lực		2							
	228006 Điện tử công suất		2							
	228021 Hệ thống điện		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	228100 Đồ án tốt nghiệp (Điện CN)		5							
	228160 Autocad (Điện)		2							
	228231 Cad trong kỹ thuật điện		3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224016 Anh văn 3		3							
	228083 Anh văn chuyên ngành (Điện)		2							
0802 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Nhuộm (TN211809)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung** **90****Điểm Trung Bình Tích Lũy** **5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118160005	Võ Thị Kim	Chung	CCQ1809A	85	6.62	230024	Hóa phân tích	2	0
							230247	Thực tập tốt nghiệp (Hóa nhuộm)	5	0.0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 226035 Soạn thảo văn bản 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		230200 An toàn lao động	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		231018 Đại cương công nghệ dệt sợi	2							
		231160 Công nghệ wash sản phẩm may	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		230044 Thiết kế dây chuyền sản xuất (Nhuộm)	2							
		230089 Quản trị chất lượng (Giấy)	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		230070 Đồ án tốt nghiệp (Nhuộm)	5							
		230093 Kỹ năng quản trị và điều hành ca sản xuất	2							
		230217 Công nghệ xử lý hàng pha	3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		230108 Anh văn chuyên ngành (Nhuộm)	2							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CD 2018 - Kế toán (TN211810)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung** **80****Điểm Trung Bình Tích Lũy** **5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118100363	Lương Thị Thanh Thủy	CCQ1810E	80	6.82	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	225057 Toán tài chính	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		225103 Bảo hiểm	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
		226093 Luật kinh doanh	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	225003 Kế toán hành chính sự nghiệp	2								
	225025 Thanh toán quốc tế	2								
	225107 Kế toán ngân hàng	2								
	225110 Kế toán tài chính nâng cao	2								
	225125 Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2								
	226016 Marketing căn bản	2								
Nhóm TC 05 :	5 TC (Min)		5							
0501 .	225037 Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5								
	225045 Thực hành sổ sách kế toán	3								
	225119 Thực hành kế toán trên phần mềm	2								
Nhóm TC 06 :										
0601 .	224003 Anh văn 1	3								
	224004 Anh văn 2	3								
	224006 Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	2								
	224016 Anh văn 3	3								
0602 .	200001 Tiếng Nhật 1	3								
	200002 Tiếng Nhật 2	3								
	200003 Tiếng Nhật 3	3								
	200004 Tiếng Nhật 4	2								

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Tin (TN211811)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118110007	Nguyễn Ca Din	CCQ1811A	92	6.24	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		0
2	2118110032	Đặng Thị Hương	CCQ1811A	92	6.50	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5		0
3	2118110357	Chu Văn Huy	CCQ1811E	92	7.08	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222010 Logic học đại cương	2
	222024 Xác suất thống kê	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
	231016 Corel Draw	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0202 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0203 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0204 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0205 .	234008	Cầu lông 1	2							
	234013	Cầu lông 2	2							
0206 .	234009	Aerobic 1	2							
	234014	Aerobic 2	2							
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)		2							
0301 .	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2							
	222017	Tiếng Việt thực hành B	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
	226035	Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	229084	Bảo mật Internet	2							
	229094	Chuyên đề ứng dụng cho lập trình Web	2							
	229095	Chuyên đề ứng dụng Javascript	2							
	229118	Phần mềm mã nguồn mở	2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	229103	Kiểm thử phần mềm tự động	2							
	229105	Lập trình Android	2							
	229106	Lập trình iOS	2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	229041	Đồ án tốt nghiệp (Tin)	5							
	229054	Lập trình Java	3							
	229089	Chuyên đề ASP.NET	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224016	Anh văn 3	3							
	224017	Anh văn chuyên ngành (Tin)	2							
0802 .	200001	Tiếng Nhật 1	3							
	200002	Tiếng Nhật 2	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 09 : 0901 .	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	200004	Tiếng Nhật 4	2							
	3 TC (Min)		3							
	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Quản trị kinh doanh (TN211812)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118120058	Đặng Thị Như Quỳnh	CCQ1812A	80	7.24	226167	Quản trị nhân sự	2		0
2	2118120672	Lê Thanh Phương	CCQ1812H	80	6.27	226032	Quản trị sản xuất	2		0

Ghi chú: BBTC = Tổng hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222024 Xác suất thống kê		2							
	226035 Soạn thảo văn bản		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	226041 Tâm lý kinh doanh		2							
	226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán		2							
	226101 Đàm phán trong kinh doanh		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	226031 Quản trị rủi ro		2							
	226058 Logistics		2							
	226083 Marketing quốc tế		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	226034 Quản trị thương hiệu		2							
	226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)		5							
	226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp		3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224009 Anh văn chuyên ngành (QTKD)		2							
	224016 Anh văn 3		3							
0802 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							
Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)		3							
0901 .	224099 Anh văn đầu vào		4							
	224100 Anh văn tăng cường		4							
	224101 Anh văn cơ bản 1		3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 10 : 1001 .	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							
	2 TC (Min)		2							
	225040	Quản trị ngoại thương	2							
	226091	Quản trị ngoại thương	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Tự động hóa (TN211815)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118150084	Nguyễn Như Minh Tuân	CCQ1815A	90	6.36	04	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222017 Tiếng Việt thực hành B		2							
	226017 Môi trường và con người		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	227014 Công nghệ khí nén - thủy lực		2							
	228075 Truyền động điện		2							
	228181 Lý thuyết điều khiển nâng cao		2							
	228183 Thiết kế mạch điện tử		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	228060 Thực tập kỹ thuật số		2							
	228192 Vi điều khiển		2							
	228229 Kỹ thuật điện lạnh (Chuyên ngành Điện công nghiệp)		2							
	228257 Trang bị điện nâng cao		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	228023 Hệ thống SCADA		2							
	228103 Đồ án tốt nghiệp (Tự động)		5							
	228206 Chuyên đề thiết kế mạch giao tiếp		3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224016 Anh văn 3		3							
	228169 Anh văn chuyên ngành điều khiển tự động		2							
0802 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							
Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)		3							
0901 .	224099 Anh văn đầu vào		4							
	224100 Anh văn tăng cường		4							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Ô tô (TN211817)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118170293	Nguyễn Đức Thiện	CCQ1817D	90	6.89	233005	Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô	2		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)	2
0201 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226035 Soạn thảo văn bản	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		2							
	226017 Môi trường và con người		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	233004 Công nghệ lắp ráp ô tô		2							
	233024 Thiết bị xường ô tô		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	233011 Ô tô sử dụng năng lượng mới		2							
	233012 Ô tô và môi trường		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	233006 Đồ án tốt nghiệp (Ô tô)		5							
	233055 Chuyên đề hệ thống an toàn và ổn định trên ô tô		2							
	233056 Chuyên đề công nghệ mới trên động cơ ô tô		3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224016 Anh văn 3		3							
	233001 Anh văn chuyên ngành (Ô tô)		2							
0802 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							
Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)		3							
0901 .	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	224099 Anh văn đầu vào		4							
	224100 Anh văn tăng cường		4							
	224101 Anh văn cơ bản 1		3							
	224102 Anh văn cơ bản 2		3							

** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
-----	-------	-----------	---------	---------	-------	-------------------	------------------	-------	-----	---------

224103 Anh văn cơ bản

4

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM
Quản lý tốt nghiệp
-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Quản trị xuất nhập khẩu (TN211820)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118200028	Lê Thị Việt	Họa	CCQ1820A	80	6.70	01	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0	0
2	2118200145	Võ Thanh	Phượng	CCQ1820B	82	6.92	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	2
0101 .	222017 Tiếng Việt thực hành B	2
	226017 Môi trường và con người	2
	226036 Tâm lý học đại cương	2
Nhóm TC 02 :	4 TC (Min)	4
0201 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0202 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0203 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0204 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0205 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0206 .	234009	Aerobic 1	2							
	234014	Aerobic 2	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222024	Xác suất thống kê	2							
	226035	Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	226034	Quản trị thương hiệu	2							
	226167	Quản trị nhân sự	2							
	226168	Quản trị tài chính quốc tế	2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	226031	Quản trị rủi ro	2							
	226041	Tâm lý kinh doanh	2							
	226160	Quan hệ kinh tế quốc tế	2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	226057	Khóa luận tốt nghiệp (XNK)	5							
	226074	Thương mại điện tử	3							
	226083	Marketing quốc tế	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224016	Anh văn 3	3							
	226051	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu	2							
0802 .	200001	Tiếng Nhật 1	3							
	200002	Tiếng Nhật 2	3							
	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	200004	Tiếng Nhật 4	2							
Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)		3							
0901 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0902 .	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							
	200003	Tiếng Nhật 3	3							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CD 2018 - Tiếng Anh (TN211824)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 90****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118240072	Sử Thị Như Ý	CCQ1824A	92	6.75	02	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
2	2118240168	Trần Thảo Ly	CCQ1824C	90	6.63	03	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 222013 Phương pháp luận nghiên cứu 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		khoa học								
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 03 :		2 TC (Min)	2							
0301 .		222002 Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							
		226018 Nghệ thuật lãnh đạo	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226016 Marketing căn bản	2							
		226025 Quản trị hành chính văn phòng	2							
		226047 Quản trị bán hàng	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		224321 Tiếng Anh tài chính ngân hàng	2							
		224336 Tiếng Anh giao tiếp qua điện thoại	2							
		224359 Tiếng anh chuyên ngành kế toán	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		224314 Biên dịch thương mại	3							
		224315 Phiên dịch thương mại	2							
		224324 Khóa luận tốt nghiệp	5							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Quản trị khách sạn (TN211826)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118260001	Lê Diệp Anh	CCQ1826A	80	7.75	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
2	2118260080	Trần Thị Thanh Thủy	CCQ1826A	80	7.22	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
3	2118260092	Nguyễn Thị Cẩm Tú	CCQ1826A	82	6.94	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
4	2118260096	Đỗ Thị Tường Vy	CCQ1826A	80	6.65	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0
5	2118260112	Trần Thị Mỹ Đào	CCQ1826B	83	6.37	R_AV	Anh Văn Chuẩn Đầu Ra	0		Chứng chỉ Anh văn giả0
6	2118260118	Lê Thị Hiệp	CCQ1826B	80	6.52	07	THONG_TIN_NHOM_BBTC	0		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0106 .	234009	Aerobic 1	2							
	234014	Aerobic 2	2							
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)		2							
0201 .	222017	Tiếng Việt thực hành B	2							
	226017	Môi trường và con người	2							
	226036	Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222024	Xác suất thống kê	2							
	226035	Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	226022	Quản trị chất lượng (QT)	2							
	226028	Quản trị marketing	2							
	226034	Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	226031	Quản trị rủi ro	2							
	226041	Tâm lý kinh doanh	2							
	226101	Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	226150	Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3							
	226193	Quản trị nhân sự du lịch nhà hàng khách sạn	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003	Anh văn 1	3							
	224004	Anh văn 2	3							
	224016	Anh văn 3	3							
	226144	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3							
0802 .	200001	Tiếng Nhật 1	3							
	200002	Tiếng Nhật 2	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 09 : 0901 .	200003	Tiếng Nhật 3	3							
	200004	Tiếng Nhật 4	2							
	3 TC (Min)		3							
	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2018 - Quản trị nhà hàng (TN211827)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2118270300	Đàm Thị Trà My	CCQ1827D	82	6.69	226020	Pháp luật đại cương	2		0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 02 : 2 TC (Min) 2

0201 . 222017 Tiếng Việt thực hành B 2

226017 Môi trường và con người 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
	Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)	2							
	0401 .	222024 Xác suất thống kê	2							
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
	Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)	2							
	0501 .	226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
	Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)	2							
	0601 .	226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
	Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)	5							
	0701 .	226138 Khóa luận tốt nghiệp (QT nhà hàng)	5							
		226167 Quản trị nhân sự	2							
		226190 Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3							
	Nhóm TC 08 :									
	0801 .	224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		226175 Tiếng Anh chuyên ngành Nhà hàng	3							
	0802 .	200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200004 Tiếng Nhật 4	2							
	Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)	3							
	0901 .	224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 10 : 1001 .		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
		2 TC (Min)	2							
		226164 Quản trị các hoạt động tài chính Nhà hàng - Khách sạn	2							
		226197 Quản trị tài chính nhà hàng - khách sạn	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Quản trị kinh doanh (TN211912)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên		Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119120379	Nguyễn Thị Lan	Tường	CCQ1912K	82	6.64			0		1920000
2	2119120488	Lê Ngọc	Hiền	CCQ1912N	81	7.32	226202	Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ	1	VT	0
3	2119120489	Lê Thị Thanh	Hiền	CCQ1912N	81	7.53	226202	Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ	1	VT	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
Nhóm TC 02 :	2 TC (Min)		2							
0201 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		2							
	222017 Tiếng Việt thực hành B		2							
	226035 Soạn thảo văn bản		2							
Nhóm TC 04 :	2 TC (Min)		2							
0401 .	222024 Xác suất thống kê		2							
	226017 Môi trường và con người		2							
	226036 Tâm lý học đại cương		2							
Nhóm TC 05 :	2 TC (Min)		2							
0501 .	226041 Tâm lý kinh doanh		2							
	226063 Phân tích và đầu tư chứng khoán		2							
	226101 Đàm phán trong kinh doanh		2							
Nhóm TC 06 :	2 TC (Min)		2							
0601 .	226031 Quản trị rủi ro		2							
	226058 Logistics		2							
	226083 Marketing quốc tế		2							
Nhóm TC 07 :	5 TC (Min)		5							
0701 .	226034 Quản trị thương hiệu		2							
	226044 Khóa luận tốt nghiệp (QTKD)		5							
	226045 Phân tích hoạt động doanh nghiệp		3							
Nhóm TC 08 :										
0801 .	224003 Anh văn 1		3							
	224004 Anh văn 2		3							
	224009 Anh văn chuyên ngành (QTKD)		2							
	224016 Anh văn 3		3							
0802 .	200001 Tiếng Nhật 1		3							
	200002 Tiếng Nhật 2		3							
	200003 Tiếng Nhật 3		3							
	200004 Tiếng Nhật 4		2							
Nhóm TC 09 :	3 TC (Min)		3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0901 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 10 :	2 TC (Min)		2							
1001 .	222025	Kỹ năng mềm	2							
	222035	Kỹ năng mềm	2							
	222036	Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
	222037	Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
	222038	Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Tài chính ngân hàng (TN211919)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119190039	Nguyễn Thị Tú Chiêu	CCQ1919B	77	6.83	225124	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	5	4.0	0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min) 4

0101 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234006 Bóng đá 1 2

234007 Bóng rổ 1 2

234008 Cầu lông 1 2

234009 Aerobic 1 2

0102 . 234002 Bóng chuyền 1 2

234003 Bóng chuyền 2 2

0103 . 234006 Bóng đá 1 2

234010 Bóng đá 2 2

0104 . 234007 Bóng rổ 1 2

234011 Bóng rổ 2 2

0105 . 234008 Cầu lông 1 2

234013 Cầu lông 2 2

0106 . 234009 Aerobic 1 2

234014 Aerobic 2 2

Nhóm TC 03 : 2 TC (Min) 2

0301 . 222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2

225129 Kỹ năng soạn thảo trên máy tính 2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		225012 Kiểm toán	2							
		225029 Thuế	2							
		225095 Phân tích báo cáo tài chính	2							
		225115 Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ	2							
		225116 Thẩm định giá tài sản	2							
Nhóm TC 05 :		5 TC (Min)	5							
0501 .		225035 Quản trị ngân hàng thương mại	3							
		225038 Khóa luận tốt nghiệp (Tài chính)	5							
		225068 Thực hành lập và thẩm định tín dụng	2							
Nhóm TC 06 :										
0601 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		225102 Anh văn chuyên ngành tài chính	3							
0602 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200008 Tiếng Nhật 4	3							
Nhóm TC 07 :		3 TC (Min)	3							
0701 .		224099 Anh văn đầu vào	4							
		224100 Anh văn tăng cường	4							
		224101 Anh văn cơ bản 1	3							
		224102 Anh văn cơ bản 2	3							
		224103 Anh văn cơ bản	4							
Nhóm TC 08 :		2 TC (Min)	2							
0801 .		222025 Kỹ năng mềm	2							
		222035 Kỹ năng mềm	2							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
	222036	Module 1: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc	2							
	222037	Module 2: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng dự tuyển việc làm; Kỹ năng thuyết trình.	2							
	222038	Module 3: Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân; Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc; Kỹ năng thuyết trình	2							

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP HCM

Quản lý tốt nghiệp

-oOo-

DANH SÁCH KHÔNG TỐT NGHIỆP

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Tiêu chuẩn tốt nghiệp CĐ 2019 - Quản trị khách sạn (TN211926)**Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 80****Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.0****** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
1	2119260253	Lê Huỳnh Hương	CCQ1926G	82	7.04			0		1600000

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	4
0101 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234006 Bóng đá 1	2
	234007 Bóng rổ 1	2
	234008 Cầu lông 1	2
	234009 Aerobic 1	2
0102 .	234002 Bóng chuyền 1	2
	234003 Bóng chuyền 2	2
0103 .	234006 Bóng đá 1	2
	234010 Bóng đá 2	2
0104 .	234007 Bóng rổ 1	2
	234011 Bóng rổ 2	2
0105 .	234008 Cầu lông 1	2
	234013 Cầu lông 2	2
0106 .	234009 Aerobic 1	2
	234014 Aerobic 2	2
Nhóm TC 03 :	2 TC (Min)	2
0301 .	222013 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
	222017 Tiếng Việt thực hành B	2

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
		226035 Soạn thảo văn bản	2							
Nhóm TC 04 :		2 TC (Min)	2							
0401 .		222024 Xác suất thống kê	2							
		226017 Môi trường và con người	2							
		226036 Tâm lý học đại cương	2							
Nhóm TC 05 :		2 TC (Min)	2							
0501 .		226031 Quản trị rủi ro	2							
		226041 Tâm lý kinh doanh	2							
		226101 Đàm phán trong kinh doanh	2							
Nhóm TC 06 :		2 TC (Min)	2							
0601 .		226022 Quản trị chất lượng (QT)	2							
		226028 Quản trị marketing	2							
		226034 Quản trị thương hiệu	2							
Nhóm TC 07 :		5 TC (Min)	5							
0701 .		226150 Khóa luận tốt nghiệp (QT khách sạn)	5							
		226190 Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3							
		226199 Quản trị nhân sự nhà hàng khách sạn	2							
Nhóm TC 08 :										
0801 .		224003 Anh văn 1	3							
		224004 Anh văn 2	3							
		224016 Anh văn 3	3							
		226144 Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	3							
0802 .		200001 Tiếng Nhật 1	3							
		200002 Tiếng Nhật 2	3							
		200003 Tiếng Nhật 3	3							
		200006 Tiếng Nhật 4 (chuyên ngành khách sạn)	3							
Nhóm TC 09 :		3 TC (Min)	3							

**** SV nếu có học môn thay thế phải nộp "Đơn xin chuyển điểm" tại Phòng Quản lý đào tạo để chuyển điểm xét tốt nghiệp bổ sung***

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	TC tổng	ĐTBTL	Mã MH/ Nhóm TC	Tên môn học (nợ)	Số TC	ĐTK	Ghi chú
0901 .	224099	Anh văn đầu vào	4							
	224100	Anh văn tăng cường	4							
	224101	Anh văn cơ bản 1	3							
	224102	Anh văn cơ bản 2	3							
	224103	Anh văn cơ bản	4							